TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/ HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2017
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bằng Công Hiệp**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Ông Bế Văn Lân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 114/2017/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H, sinh năm 1985**

Trú quán: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: **Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1981**

Trú quán: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Tại phiên tòa: Chị H có mặt, anh Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Tôi và anh Q kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ. Sau khi cưới tôi về nhà anh Q sinh sống, được một thời gian thì chúng tôi vào miền

nam làm ăn. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q chơi bời lô đề cờ bạc, tôi can ngăn không được nên vợ chồng cãi đánh nhau. Năm 2014 tôi đã bỏ về quê tại xã B sinh sống một thời gian để vợ chồng có thời gian suy xét lại tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, anh Q đánh đập, chửi bới tôi thậm tệ. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Đỗ Văn Q, sinh ngày 18/2/2006 và Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 05/5/2011. Khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng nuôi cả hai con tôi đồng ý. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Văn Q trình bày:

Tôi và chị H kết hôn năm 2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ. Khi kết hôn chúng tôi tự nguyện.

Sau khi cưới chị H về nhà tôi làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014. Khi đó vợ chồng tôi đang làm ăn tại tỉnh Bình Phước thì bố vợ tôi chết nên vợ tôi đưa hai con về quê chịu tang ông ngoại. Nhưng từ sau đám tang, chị H bắt đầu không quan tâm đến chồng con, bỏ đi đâu làm gì không ai biết. Cuối năm 2016, chị H có vào tỉnh Bình Phước sống với bố con tôi khoảng 10 ngày sau đó lại bỏ đi. Tôi có gọi điện tìm nhưng không được. Đến tháng 10 năm 2016 tôi đưa con về quê tại xã B huyện Đ sinh sống, tôi đã thuyết phục chị H về chung sống nhưng chị H không về và kiên quyết xin ly hôn. Tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung Đỗ Văn Q, sinh ngày 18/2/2006 và Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 05/5/2011. Khi ly hôn, tôi xin nuôi hai con. Tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nhưng tôi không đồng ý cho chị H thăm nom con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiền về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q. Về con chung: Giao hai con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự xác định không có; Về án phí chị H phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, về nơi đăng ký kết hôn hai bên còn chưa có sự thống nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy trích lục kết hôn số 72 ngày 16/3/2017 của UBND xã P, huyện Đ mà chị H cung cấp đã thể hiện chị H và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 14/3/2005. Anh Q cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ. Như vậy chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm Q theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị H và anh Q sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi đánh nhau trầm trọng. Từ tháng 11 năm 2016 chị H đã bỏ

đi, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau. Anh Q cũng đã nhiều lần cố gắng hòa giải, thuyết phục nhưng chị H không thay đổi quan điểm, vẫn kiên quyết xin ly hôn nên nay anh cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi đánh nhau, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là phù hợp.

2. Về con chung: Chị H và anh Q đều xác định có hai con chung Đỗ Văn Q, sinh ngày 18/2/2006 và Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 05/5/2011. Khi ly hôn anh Q xin nuôi cả hai con, chị H cũng nhất trí. Xét thấy các bên không có sự tranh chấp về việc nuôi con, hai con chung hiện nay đều đang ở với bố nên giao hai con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H được Q đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên Toà án không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Đỗ Văn Q.

2. ***Về con chung***: Giao hai con chung là Đỗ Văn Q, sinh ngày 18/2/2006 và Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 05/5/2011 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho

tới khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H được Q đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. ***Về án phí***: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0011676 ngày 17/4/2017 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Báo cho cho chị H, anh Q biết được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

BẰNG CÔNG HIỆP